

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017/HSST

Ngày: 15 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phin

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Thuỷ

2. Bà Chu Thị Hồng Thái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Thế Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn

- ***Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***

Ông Hoàng Văn Bền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình L; Sinh ngày 25/07/1993. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn 7, xã Th.Tr, huyện Th.Ng, thành phố H.P. Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không. Con ông: Lê Văn U sinh năm 1950, con bà: Trần Thị L (đã mất). Vợ, con: chưa có. Anh chị em ruột: Có 06 anh chị em, bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự: Bị cáo có 01 tiền án Ngày 12/01/2016 bị Toà án nhân dân thành phố H.P xử phạt 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù giam về tội Mua bán người.

Bị cáo bị bắt giam từ ngày 07/6/2015. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam X.N, H.P, được trích xuất về trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/5/2017. Có mặt.

2. Lê Văn V, sinh ngày 27/8/1996. Nơi ĐKKHKT: thôn 8, xã Th.Tr, huyện Th.Ng, thành phố H.P. Trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. Con ông: Lê Văn L sinh năm 1973; Con bà: Đỗ Thị C, sinh năm 1974. Anh Chị em: có 02 anh chị em bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/03/2017 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lê Thị L, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn bào chữa cho bị cáo Lê Văn V. Có mặt.

Bị hại:

1. Chị Lê Thị H1 sinh năm 1996 trú tại: Thôn 6, xã M.T, huyện Th.Ng, thành phố H.P. Có mặt.

2. Chị Vũ Thị H2 sinh năm 1996 trú tại: Đội 8 xã M.T, huyện Th.Ng, thành phố H.P. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan:

1. Bà Lê Thị Hg (mẹ đẻ của bị hại Vũ Thị H2) trú tại Đội 8 xã M.T, huyện Th.Ng, thành phố H.P. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ của bị hại Lê Thị H1) trú tại Thôn 6, xã M.T, huyện Th.Ng, thành phố H.P. Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bởi hành vi phạm tội như sau: Thông qua mạng xã hội, L quen chị Lê Thị H1 sinh năm 1996, trú tại: thôn 6, xã M.T, huyện Th.Ng, thành phố H.P, L lấy tên là H.T.P trú tại: C.B, huyện Th.Ng, thành phố H.P. L biết bạn gái của H là Vũ Thị H2 sinh năm 1996, trú tại: thôn 8, xã M.T, huyện Th.Ng, thành phố H.P nên nảy sinh ý định bán luôn cả chị H2. L rủ Lê Văn V cùng đưa phụ nữ sang Trung Quốc bán lấy tiền và hứa sẽ chia tiền cho V, V đồng ý.

Khoảng ngày 11/11/2014, L và Việt đi đón chị H2 và chị H1 đi ăn sáng, sau đó cùng nhau đón xe khách đi thị trấn Đ.Đ, huyện C.L, tỉnh Lạng Sơn. Đến 15 giờ cùng ngày, L đưa mọi người đi xung quanh chợ thị trấn Đ.Đ, huyện C.L, tỉnh Lạng Sơn chơi và gọi điện cho L2 bảo cho người sang đón. Có vài người đàn ông dẫn L, V, H2 và H sang Trung Quốc theo đường mòn, L nói là sang Trung Quốc chơi, khoảng 17 giờ cùng ngày thì sang được Trung Quốc. A.L là một người đàn ông Trung Quốc lái xe ô tô đến đón cả bốn người đến quán hát Karaoke gặp L2 tại thị trấn B.T. Tại đây A.L đưa cho L 20.000 NDT, sau đó L đổi ra được 80.000.000đ, L đã chia cho Việt 3.500.000đ, số còn lại L tiêu xài cá nhân hết.

Tại Trung Quốc, L2 đã ép chị H2 và chị H bán dâm, nếu không sẽ bị không chế đánh đập. Đến tháng 2/2016, chị Lê Thị H1 quen biết người đàn ông tên D quê ở B.N làm nghề sửa xe ô tô bên Trung Quốc, chị H đã đặt vấn đề nhờ D giúp đỡ trốn về Việt Nam. D và một người tên là T quê ở Lạng Sơn đã giúp đỡ chị H2, chị H và chị X cũng là nạn nhân của L2 đến biên giới Trung Quốc để về Việt Nam.

Theo lời khai của Lê Thị H1, sau khi bị V và L lừa bán sang Trung Quốc, L2 đã chiếm đoạt tài sản của chị H1 bao gồm 01 dây chuyền vàng trị giá 15.000.000đ, 01 chiếc lắc bạc trị giá 2.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO trị giá 5.000.000đ.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định Trưng cầu pháp y về tình dục đối với chị Vũ Thị H2 và chị Lê Thị H1 để xác định mức độ tổn hại sức khỏe về tình dục làm căn cứ xác định mức bồi thường nhưng chị H2 và chị H1 có đơn từ chối.

Đối với Lê Thị L2, hiện nay cư trú tại B.T, Trung Quốc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã khởi tố bị can và ra Lệnh truy nã đối với Lê Thị L2 về tội Mua bán người. Ngày 4/7/2017, Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra về tội Mua bán người ở vụ án khác khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Gia đình bị cáo Lê Văn V đã bồi thường cho mỗi bị hại số tiền là 50.000.000đ

Với nội dung nêu trên; Tại bản cáo trạng số: 81 /VKS- P1 ngày 08/8/2017, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V về tội Mua bán người theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Đồng thời các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo như vậy là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo chỉ xin được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Người bị hại Chị Vũ Thị H2 và Lê Thị H1 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo Lê Đình L là người trực tiếp rủ bị các bị hại lên Lạng Sơn chơi, sau đó nói dối các bị hại là sang Trung Quốc mua đồ cho rẻ, nên các bị hại tưởng thật đi theo L và Việt thì bị bán. Sau khi trở về địa phương chị H2, chị H đã được gia đình bị cáo Lê Văn V đến thăm hỏi, động viên và bồi thường mỗi người là 50.000.000đồng. Tại phiên tòa các chị Vũ Thị H2 và chị Lê Thị H1 đều có ý kiến đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn V.

Các bị hại Chị H2, chị H yêu cầu bị cáo Lê Đình L phải bồi thường danh dự nhân phẩm bị xâm hại và tổn thất tinh thần cho các chị mỗi người là 50.000.000đồng. Bà Hoàng Thị V là mẹ đẻ chị Lê Thị H1 yêu cầu bị cáo L bồi thường các khoản chi phí đi tìm con là 95.000.000 đồng. Bà Lê Thị Hg là mẹ đẻ chị Vũ Thị H2 yêu cầu bị cáo L phải bồi thường các khoản chi phí đi tìm người bị hại (H2) là 20.000.000 đồng. Bị cáo Lê Đình L tại phiên tòa đồng ý bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ L2 quan cụ thể:

Bị cáo Lê Đình L bồi thường tổn thất tinh thần và danh dự nhân phẩm cho các bị hại Vũ Thị H2 và Lê Thị H1 mỗi người 50.000.000đ.

Bồi thường cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan, cụ thể: bồi thường cho bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ của bị hại Lê Thị H1) các khoản chi phí đi tìm người bị hại với số tiền là 95.000.000đ. Bồi thường cho bà Lê Thị Hg (mẹ

đề của bị hại Vũ Thị H2) số tiền chi phí đi tìm người bị hại là 8.000.000đ và tiền bồi thường tổn thất tinh thần 12.000.000đ, tổng cộng là 20.000.000đ.

Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V phạm tội Mua bán người.

1. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 51, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lê Đình L từ 08 đến 09 năm tù giam.

2. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 05 đến 06 năm tù giam,

Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lê Đình L với các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử truy thu số tiền thu lời bất chính của các bị cáo.

Luật sư Lê Thị L bào chữa cho bị cáo Lê Văn V không có ý kiến tranh L về tội danh và khung hình phạt truy tố đối với bị cáo. Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Luật sư cho rằng mức hình này là quá nghiêm khắc đối với bị cáo V, bởi lẽ bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, do người khác rủ rê lôi kéo của Lê Đình L mà phạm tội, bị cáo Lê Văn V có vai trò thứ yếu trong vụ án, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho các bị hại. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện điều tra tội phạm; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ đó Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm b, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Văn V mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị hại và gia đình bị cáo Lê Văn V.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa.

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ xác định ngày 11/11/2014 do hám lời nên các bị cáo Lê Đình L, Lê Văn V đã thực hiện hành vi đưa các chị Vũ Thị H2, Lê Thị H1 sang Trung Quốc bán. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V về tội Mua bán người theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện thấy rằng; Hành vi đó là rất nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nhân phẩm, danh dự và quyền tự do của các bị hại, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây dư L bất bình trong quần chúng nhân dân; đi ngược lại lợi ích của cộng đồng, xã hội cản trở cho công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và các tội phạm về mua bán người nói riêng. Để phục vụ tình hình chính trị tại địa phương, đồng thời nhằm mục đích răn đe, giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, đặc biệt là tội phạm về mua bán người trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nói riêng. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một chế tài hình sự thật nghiêm khắc đối với các bị cáo, để làm bài học cho các đối tượng khác ở ngoài xã hội đang có ý định phạm tội tương tự.

Xét thấy trong vụ án này có hai bị cáo, tuy nhiên người chủ mưu, lên kế hoạch móc nối với các đối tượng ở Trung Quốc là Lê Đình L, còn Lê Văn V chỉ nghe theo lời rủ rê, hám lợi nhất thời thiếu suy nghĩ mà phạm tội do đó tính chất đồng phạm là giản đơn, mỗi bị cáo sẽ bị xử phạt mức án tương ứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện

Về tình tiết tăng nặng:

Ngoài các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V đều khai báo thành khẩn, riêng bị cáo Lê Văn V đã tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy, bị cáo V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

Đối với bị cáo Lê Đình L, ngày 12/01/2016 đã bị Tòa án nhân dân thành phố H.P xử 05 năm 06 tháng tù giam về tội Mua bán người tuy nhiên đây không thuộc trường hợp tái phạm như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Xét tính chất, mức độ vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng bị cáo L là người chủ mưu khởi xướng, rủ rê lôi kéo người khác vào con đường phạm tội, bị cáo Lê Đình L cũng là người trực tiếp giao dịch móc nối với đối tượng buôn người ở bên Trung

Quốc. Lê Đình L chỉ đạo Lê Văn V lên kế hoạch lừa đưa các bị hại sang Trung Quốc bán. Số tiền thu lời bất chính 80 triệu đồng bị cáo chỉ chia cho V 3,5 triệu đồng. Do đó bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử thấy rằng gia đình bị cáo Lê Văn V đã bồi thường cho mỗi gia đình bị hại 50.000.000đ, tại phiên tòa, các bị hại và gia đình các bị hại không yêu cầu bị cáo Lê Văn V phải bồi thường thêm. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lê Đình L, tại phiên tòa đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Xét thấy việc thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này để làm căn cứ thi hành án.

Về số tiền do các bị cáo phạm tội mà có: cả hai bị cáo đều thừa nhận đã bán hai người bị hại được số tiền là 80.000.000đ.

Bị cáo Lê Đình L đã sử dụng cá nhân hết số tiền 76.500.000đ và chia cho bị cáo Lê Văn V 3.500.000đ.

Hội đồng xét thấy cần truy thu số tiền trên của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của luật sư về việc xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 đối với bị cáo Lê Văn V, tuy nhiên không có căn cứ áp dụng điểm q khoản 1 Điều 46 theo đề nghị của luật sư.

Xét đề nghị cả Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị cáo Lê Đình L còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V phạm tội “Mua bán người”.

1.1 - Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lê Đình L 09 (chín) năm tù giam, tổng hợp hình phạt của bản án số 02/2016/HSST ngày 12/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H.P là 05 năm 06 tháng tù giam, buộc bị cáo Lê Đình L phải chấp hành hình phạt chung là 14(mười bốn năm) 06 (sáu) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 07/06/2015.

1.2 - Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119, điểm e, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn V 05 (năm) năm tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 22/3/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, 585, 592 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo Lê Đình L với các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan, cụ thể:

2.1 Bị cáo Lê Đình L bồi thường tổn thất tinh thần và danh dự nhân phẩm cho các bị hại Vũ Thị H2 và Lê Thị H1 mỗi người 50.000.000đ.

2.2 Bồi thường cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ L2 quan, cụ thể: bồi thường cho bà Hoàng Thị V (mẹ đẻ của bị hại Lê Thị H1) các khoản chi phí đi tìm người bị hại với số tiền là 95.000.000đ (chín mươi năm triệu đồng). Bồi thường cho bà Lê Thị Hg (mẹ đẻ của bị hại Vũ Thị H2) số tiền chi phí đi tìm người bị hại là 8.000.000đ (tám triệu đồng) và tiền bồi thường tổn thất tinh thần 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), tổng cộng bồi thường cho bà Hg là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Đình L và Lê Văn V, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Lê Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.750.000đ (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2017).

Nơi nhận:

1. VKSND cấp cao, TAND cấp cao;
2. VKSND tỉnh LS;
3. Sở tư pháp; Cục THADS;
4. Trại tạm giam CAT LS;
5. Bị cáo;
6. Người tham gia tố tụng khác;
7. Lưu hồ sơ, THS, HCTP, KTNV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyễn Phin

